TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/DS-ST.
Ngày: 29/9/2017
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Viết Ân;

2. Ông Nguyễn Minh Hiếu Trung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký TAND huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 78/2016/TLST–DS ngày 26/12/2016, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS ngày 05/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2017/QĐST-DS ngày 20/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Minh K, sinh năm: 1979. HKTT: kp. P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Nơi ở: Số 21/22, khu phố P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. *(Có mặt)*

2. Đồng bị đơn:

+ Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1986. HKTT: số 36, khu 3, ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1986. HKTT: số 36, khu 3, ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1981. HKTT: kp. P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Nơi ở: Số 21/22, khu phố P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. *(Vắng mặt)*

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh K, sinh năm: 1979. HKTT: kp. P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Nơi ở: Số 21/22, khu phố P, tt. PL, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2016, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2015, ông có bán và vận chuyển muối cho ông D, mỗi chuyến chở muối khoảng 8 đến 10 tấn, giá muối khoảng từ 1.000.000 đồng đến 3.400.00 đồng/tấn. Mỗi lần chở thì ông D trả tiền mội nữa còn thiếu lại một nữa mà không có ký giấy tờ gì, mỗi tháng chở khoảng 8 đến 10 chuyến. Đến cuối năm 2015, do ông D thiếu nợ nhiều nên ông có yêu cầu ông D thanh toán số tiền thiếu 210.000.000 đồng nhưng ông D cố tình không trả. Và ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà T trả cho vợ chồng ông số tiền 210.000.000 đồng. Nhưng vì việc mua bán hàng giữa ông và ông D không có giấy tờ ghi nhận nợ nên ông không có chứng cứ gì chứng minh, ông D cũng chỉ thừa nhận nợ 30.000.000 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay ông rút 1 phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, chỉ còn yêu cầu ông D, bà T trả 30.000.000 đồng mà ông D nhận nợ. Và ông không yêu cầu tính lãi suất cả trong giai đoạn thi hành án.

* Theo bản tự khai và trong quá trình làm việc, bị đơn là ông Nguyễn Quốc D trình bày: ông thừa nhận giữa ông và ông K có bán muối với nhau. Có khi ông K vận chuyển thuê để lấy tiền công, có khi thì ông mua muối của ông Kha. Mỗi chuyến ông K chở hàng cho ông khoảng 10 tấn, mỗi tấn trị giá khoảng 3 triệu đồng. Các bên không ghi giấy tờ nhận nợ mà chỉ ghi nhớ với nhau. Việc mua bán và trả tiền theo hình thức gối đầu, tức là ông sẽ nợ lại ông K chuyến hàng đầu tiên và chuyến hàng tiếp theo thì ông mới trả tiền chuyến trước còn chuyến sau sẽ nợ lại. Mỗi tháng, ông K chở cho ông khoảng 10 chuyến. Đến khoảng tháng 3/2015, do ông K giật mối làm ăn của ông và ông có nói với ông K ngưng bỏ muối cho các mối của ông nhưng ông K cố tình không nghe. Vì vậy, ông không trả cho ông K số tiền còn nợ. Ông K cho rằng ông nợ số tiền 210.000.000 đồng là không có, việc mua bán giữa các bên gối đầu mỗi chuyến khoảng 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nên không có việc ông thiếu nợ ông K số tiền 210.000.000 đồng, ông chỉ nợ ông K khoảng 30.000.000 đồng. Nay ông đồng ý trả cho ông K số tiền 30.000.000 đồng. Ông cho rằng việc kinh doanh muối là ông tự làm, vợ ông không biết nhưng thu nhập của việc kinh doanh trên là phục vụ cho gia đình vợ chồng ông.

* Theo biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà không biết gì việc mua bán ông K và chồng bà cũng như số tiền thiếu trên từ đâu mà có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Tòa án còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử; các văn bản còn có đánh sai sót tên người tham gia tố tụng. Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc vợ chồng ông D trả cho vợ chồng ông K số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K trình bày, từ năm 2010 cho đến năm 2015, ông có bán muối thiếu cho ông D với số tiền 210.000.000 đồng và ông có yêu cầu ông D trả nhưng ông cố tình không trả. Như vậy, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự" mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 17/01/2017, tại công an xã X (BL 23) thì ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thanh T có hộ khẩu

thường trú tại ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CMỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay ông K chỉ yêu cầu ông D, bà T trả cho vợ chồng ông số tiền 30.000.000 đồng. Và ông D trong các biên bản làm việc thì ông D cũng đồng ý trả cho ông K số tiền 30.000.000 đồng. Vì ông D, bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn; việc mua bán muối của ông D cũng là công việc có thu nhập để phục vụ cuộc sống chung của gia đình ông bà. Vì vậy, cần buộc cả ông D, bà T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông K, bà H số tiền 30.000.000 đồng.

Vì ông K không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên trong giai đoạn thi hành án nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí DSST là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của VKSND huyện CM là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 428 và Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K.

Buộc ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí DSST.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh K số tiền 5.250.000 đồng *(Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* là tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp tại Biên lai thu tiền số 003833 ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.CM ;
- THA dân sự H.CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Tường Vy